TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DSST
Ngày: 17/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoằng, bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân phố P, tỉnh Gia Lai.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung với người phải thi hành án*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: /2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N K P. Địa chỉ: 44 L H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N Đ N. sinh năm: 1961.

Địa chỉ: 203 LTT, phường Y Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Đ V D. Địa chỉ: 44 L H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an; địa chỉ: Đường 15, xã TM, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Bị đơn ông Đ V D (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N Đ N trình bày:

Căn cứ Thông báo số 650/TB-CTHADS ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội về việc xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất để thi hành án. Các bên tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tại Đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 bà N K P yêu cầu Tòa án xác định tài sản riêng của bà là Căn nhà số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và Sổ tiết kiệm số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB - Chi nhánh Gia Lai đứng tên N K P là tài sản riêng của bà N K P.

Quá trình Tòa án nhân dân thụ lý và giải quyết đến ngày 19/02/2024 bà N K P thay đổi yêu cầu và trình bày lại như sau: Bà N K P và ông Đ V D chung sống với nhau vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NM, huyện PC, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sông ông, bà tạo lập được một số tài sản và nguồn gốc tài sản và công nợ của gia đình cụ thể như sau:

- Nhà và đất tại số 44 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 350 CN/UB do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/7/1994. Người đứng tên Đ V D và N K P.

- Nhà và đất tại số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P.

- Sổ tiết kiệm tại ngân hàng SCB, số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 HBT, P) đứng tên N K P, số tiền gửi 1.030.000.000 đồng

Về nguồn gốc hình thành tài sản nhà 42 LHP: Bà N K P là người trực tiếp nhận chuyển nhượng nhà và đất 42 L H P của vợ chồng ông T M Tvà bà N K T (43 Quyết Tiến, phường Ia Kring, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Bà dùng tiền của cá nhân của mình để nhận chuyển nhượng nhà đất trên. Do mối quan hệ dòng họ nên bà đã trả trước một phần và còn nợ lại vợ chồng anh T M Tsố tiền là 130.000.000 đồng và bà P vẫn trả lãi hàng năm.

- Về Sổ tiết kiệm tại ngân hàng SCB, số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 Hai Bà Trưng, P) đứng tên N K P, số tiền gửi 1.030.000.000 đồng là tài sản riêng của cá nhân bà tích góp và gửi ngân hàng. Hiện nay Cơ quan thi hành án P tỏa số tiền này là oan ức và gây thiệt hại cho tôi.

Ngoài ra trong quá trình chồng bà ông Đ V D bị bắt và Công an điều tra vụ án, ông Đinh Văn Dũng yêu cầu bà vay tiền ngân hàng 4.000.000.000 đồng và lấy thêm tiền của gia đình 1.000.000.000 đồng để ông Đ V D nộp khắc phục hậu quả vụ án số tiền 5.000.000.000 đồng (Theo Bản án số 426/2020/HSST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội - Trang số 42).

Chính vì vậy vợ chồng bà vay ngân hàng số tiền 4.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 77/18/CT/TP ngày 19/01/2018 ngân hàng Vietcombank (Có hợp đồng vay ngân hàng tháng 01 năm 2018 kèm theo) để có tiền khắc phục hậu quả vụ án. Khi vay tiền ngân hàng, vợ chồng bà đã thế chấp 02 tài sản là:

- Nhà và đất tại số 44 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 350 CN/UB do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/7/1994.

- Nhà và đất tại số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015.

Sau khi ông Đ V D bị bắt ngày 07/6/2018, thì ngày 26/12/2018 đến hạn trả nợ ngân hàng bà không có tiền nên ngân hàng thông báo đòi kê biên nhà. Vì danh dự bản thân nên một mình bà đã đứng ra vay mượn tiền của người quen để trả khoản nợ 4 tỷ đồng tại ngân hàng. Đồng thời nhận lại 02 tài sản thế chấp (Căn nhà 42 và 44 L H P, thành phố P) và sau này Công an P tỏa kê biên 2 tài sản này như hiện nay. Bà cho rằng nếu bà không vay mượn tiền để trả nợ ngân hàng thì 2 tài sản này vẫn thế chấp ngân hàng và thuộc quyền xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng, bà không phải đứng ra gánh nợ như hiện nay.

Hiện nay bà đang nợ số tiền 4.000.000.000 đồng vay bên ngoài để trả nợ ngân hàng, nguồn gốc nợ là trước đây vay ngân hàng để ông Đ V D khắc phục hậu quả, ngoài ra bà còn có nghĩa vụ hàng tháng đi thăm nuôi ông Đ V D ở ngoài bắc xa xôi là phụ nữ sức khỏe hạn chế vì vậy cũng khó khăn cho bà trong quá trình đi lại và khó khăn kinh tế để thăm nuôi.

Từ các nội dung trên, bản thân bà rất mong muốn Tòa án xem xét đến công sức đóng góp của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng mà bà đã yêu cầu chia, để giải quyết bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho một người phụ nữ phải đứng ra để giải quyết nợ chung và nhận lại tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết xem xét tổng thể vụ kiện dưới các căn cứ:

Đề nghị Tòa án xem xét về công sức đóng góp của bà N K P trong quá trình hình thành tài sản và quản lý tôn tạo tài sản trong thời gian ông Đ V D bị bắt và đi chấp hành án tù chung thân trong khối tài sản chung của ông, bà là: Xác định phần quyền sở hữu, sử dụng của bà N K P trong khối tài sản chung là: Căn nhà số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Sổ tiết kiệm số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB - Chi nhánh Gia Lai đứng tên N K P, để thi hành án theo quy định tại Thông báo số 650/TB-CTHADS ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Đối với các khoản nợ bà N K P chỉ nêu ra để chứng minh cho quá trình tôn tạo, quản lý, gìn giữ khối tài chung mà bà yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ.

Bị đơn ông Đ V D có lời khai tại bản tự khai:

Ông Đ V D hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an; địa chỉ: Đường 15, xã TM, huyện TC, tỉnh Nghệ An; Nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc và ông có bản khai về trình bày yêu cầu của ông trong vụ án này như sau:

Ông Đ V D và bà N K P chung sống với nhau vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ngô Mây, huyện PC, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sông ông biết được vợ ông bà N K P tạo lập được một số tài sản riêng như sau:

- Nhà và đất tại số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P.
- Về Sổ tiết kiệm tại ngân hàng SCB, số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 HBT, P) đứng tên N K P, số tiền gửi 1.030.000.000 đồng.

Hai khối tài sản trên ông D không cùng bà P tạo dựng nên, vì vậy ông xác định đó là tài sản riêng của bà N K P.

Tóa án tiến hành thu thập chứng cư:

Ngày 28/12/2023 Tòa án tiên hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là nhà và đất tại số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P.

Toàn bộ phần diện tích của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 12, có diện tích 73,9m^2 tài sản trên đất là căn nhà cấp 4C, diện tích sử dụng 70m^2 tại 42 L H P,

phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P. Nhà đất có tứ cận: Phía đông giáp thửa 233 có chiều dài: 14,5m + 1,4m + 1,2m; phía tây giáp thửa 231 có chiều dài 16,9m; phía nam giáp đường L H P có chiều dài 4,2m; phía bắc giáp thửa 208 có chiều dài 5,7m. Hiện trạng nhà đất không tranh chấp với ai và không có người thứ ba trên đất.

Tại Công văn số 450/SCB-TGĐ.24.00 ngày 23/01/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn, phúc đáp công văn số 01/TA-CV của Tòa án nhân dân thành phố P về số dư tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 Hai Bà Trưng, P) đứng tên N K P đến ngày 08/01/2024 số dư tài khoản là: 1.397.258.834 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Xác định bà N K P và ông Đ V D trong thời gian chung sống đã tạo lập được tài sản chung là:

- Nhà và đất tại số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P.

- Về Sổ tiết kiệm tại ngân hàng SCB, số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 Hai Bà Trưng, P) đứng tên N K P, số tiền gửi 1.030.000.000 đồng.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà N K P:

Xác định bà N K P có quyền sở hữu, sử dụng đất đối với ½ diện tích thửa đất số 232, tờ bản đồ số 12, có diện tích 73,9m^2 tài sản trên đất là căn nhà cấp 4C, diện tích sử dụng 70m^2 tại 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P. Nhà đất có tứ cận: Phía đông giáp thửa 233 có chiều dài: 14,5m + 1,4m + 1,2m; phía tây giáp thửa 231 có chiều dài 16,9m; phía nam giáp đường L H P có chiều dài 4,2m; phía bắc giáp thửa 208 có chiều dài 5,7m.

Xác định bà N K P có quyền sở hữu ½ số tiền trong Sổ tiết kiệm tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 Hai Bà Trưng, P) đứng tên N K P là: 1.030.000.000 đồng.

Cần xem xét đến công sức đóng góp của bà N K P trong quá trình hình thành tài sản và quản lý tôn tạo tài sản trong thời gian ông Đ V D bị bắt và đi chấp hành án tù chung thân trong khối tài sản chung của ông, bà là số tiền lãi của số tiền trong tài khoản tiết kiệm 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai tính đến ngày 08/01/2024 số tiền là: 367.258.834 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm bà N K P tự nguyện chịu nên buộc bà P phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự tố tụng, quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung, bị đơn ông Đ V D đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an; địa chỉ: Đường 15, xã TM, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Trước khi bị bắt có nơi cư trú tại 44 L H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, ông Đ V D cũng có đơn thỏa thuận thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết. Nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Thông báo số: 650/TB-CTHADS ngày 02/3/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, thông báo V/v thi hành án. Chấp hành viên Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đang tổ chức thi hành Quyết định thi hành án số 219/QĐ-CTHADS ngày 11/11/2022 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội trên cơ sở bản án số: 268/2021/HSPT ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và bản án số: 426/2020/HSST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với ông Đ V D, địa chỉ: 44 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia lai, buộc phải thi hành án khoản tiền 6.300.000.000 đồng bồi thường cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

Quá trình tổ chức thi hành án Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án ông Đ V D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và N K P (vợ ông D) thực hiện các quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 1 điều 74 Luật thi hành án dân sự.

Do vậy, nguyên đơn bà N K P khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng của bà trong khối tài sản chung là:

- Nhà và đất tại số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P.

- Sổ tiết kiệm tại ngân hàng SCB, số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 Hai Bà Trưng, P) đứng tên N K P, số tiền gửi 1.030.000.000 đồng, đến ngày 08/01/2024 số dư tài khoản là: 1.397.258.834 đồng.

Đề nghị Tòa án xem xét về công sức đóng góp của bà N K P trong quá trình hình thành tài sản và quản lý tôn tạo tài sản trong thời gian ông Đ V D bị bắt và đi chấp hành án tù chung thân trong khối tài sản chung trên.

Về phía bị đơn ông Đ V D có bản khai cho rằng Nhà đất tại số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và Sổ tiết kiệm tại ngân hàng SCB, số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai là tài sản riêng của bà N K P. Như vậy, đây thuộc trường hợp "*có tranh chấp*" nên xác định là vụ án dân sự, thuộc trường hợp tranh chấp về "*Xác định phần quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất"* để thi hành án theo quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự và Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Nội dung khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung với người phải thi hành án là ông Đ V D bao gồm tài sản sau:

- Nhà và đất tại số 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P.

- Sổ tiết kiệm số tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 Hai Bà Trưng, P) đứng tên N K P số tiền gốc là: 1.030.000.000; tiền lãi tính đến ngày 08/01/2024 là: 367.258.834 đồng.

Xét ý kiến của bị đơn ông Đ V D cho rằng tài sản trên thuộc tài sản riêng của bà P là không phù hợp mặc dù nhà và đất tài 42 Lê Hùng Phòng, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và sổ tiết kiệm tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai đều đứng tên một mình bà N K P, nhưng thời gian cũng như nguồn gốc hình thành hai tài sản trên là trong thời kỳ hôn nhân. Ông Đ V D và bà N K P kết hôn năm 1989 nhưng hai tài sản này được hình thành vào năm 2018 và năm 2020. Do đó cần áp dụng Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung.

Xét về yêu cầu của bà N K P về việc xem xét công sức đóng góp của bà trong quá trình hình thành tài sản, quản lý tôn tạo duy trì và phát triển tài sản trong thời gian ông Đ V D bị bắt và đi chấp hành án tù chung thân trong khối tài sản chung trên thì thấy rằng, việc bà P đã thế chấp nhà đất tại 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia lai cho Ngân hàng Vietcombank – chi nhánh Gia Lai ngày 19/01/2018 là có thật, đến ngày 07/6/2018 ông Đ V D bị bắt. Nhưng đến ngày 26/12/2018 là đến hạn trả nợ Ngân hàng bà P cũng đã cố gắn trả khoản vay trên để lấy tài sản bảo đảm là nhà đất tại 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia lai, không để cho Ngân hàng phát mãi tài sản và sau này đã bị P tỏa trong vụ án hình sự. Nguồn gốc hình thành tài sản trên cho đến hôm nay vợ chồng ông D, bà P vẫn còn nợ ông T M Tvà bà N K T (43 Quyết Tiến, phường Ia Kring, thành phố P, tỉnh Gia Lai) là người chuyển nhượng nhà đất trên, nhưng bà P vẫn là người trực tiếp thực hiện việc trả nợ đó, ngoài ra còn các khoản nợ khác như nợ ông Đinh Văn Nga, địa chỉ tổ 11, phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai số tiền 4.000.000.000 đồng. Do đó trên cơ sở các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì HĐXX thấy rằng cần phải xem xét công sức đóng góp của bà trong quá trình hình thành tài sản, quản lý tôn tạo duy trì và phát triển tài sản trong thời gian ông Đ V D bị bắt và đi chấp hành án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung mới đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho bà P.

Ngày 20/12/2022, Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đối với:

Toàn bộ phần diện tích của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 12, có diện tích 73,9m^2 tài sản trên đất là căn nhà cấp 4C, diện tích sử dụng 70m^2 tại 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P. Nhà đất có tứ cận: Phía đông giáp thửa 233 có chiều dài: 14,5m + 1,4m + 1,2m; phía tây giáp thửa 231 có chiều dài 16,9m; phía nam giáp đường L H P có chiều dài 4,2m; phía bắc giáp thửa 208 có chiều dài 5,7m. Hiện trạng nhà đất không tranh chấp với ai và không có người thứ ba trên đất.

Đối với các khoản nợ bà N K P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 1.600.000 đồng bà N K P tự nguyện chịu.

[4] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu nên bà N K P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 213, khoản 2 điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 33, điểm b khoản 2, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N K P về việc *"Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung với người phải thi hành án*" đối với bị đơn ông Đ V D.

Xác định bà N K P có quyền sở hữu nhà ở, sử dụng đất đối với ½ diện tích thửa đất số 232, tờ bản đồ số 12, có diện tích 73,9m^2 tài sản trên đất là căn nhà cấp 4C, diện tích sử dụng 70m^2 tại 42 L H P, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 486167 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/6/2015. Người đứng tên N K P. Nhà đất có tứ cận: Phía đông giáp thửa 233 có chiều dài: 14,5m + 1,4m + 1,2m; phía tây giáp thửa 231 có chiều dài 16,9m; phía nam giáp đường L H P có chiều dài 4,2m; phía bắc giáp thửa 208 có chiều dài 5,7m.

Xác định bà N K P có quyền sở hữu ½ số tiền trong Sổ tiết kiệm tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai (Địa chỉ 78 - 80 Hai Bà Trưng, P) đứng tên N K P số tiền 1.030.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng).

Xác định bà N K P được quyền sở hữu số tiền lãi trong Sổ tiết kiệm tài khoản 05590220002 tại ngân hàng SCB-Chi nhánh Gia Lai là: 367.258.834 đồng (lãi tính đến ngày 08/01/2024) đây là công sức tạo lập, duy trì, quản lý và phát triển khối tài sản chung.

[2]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng bà N K P tự nguyện chịu. Bà P đã nộp đủ.

[3]. Về án phí: Phải chịu là 300.000 đồng. Bà N K P tự nguyện chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0001490 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

[5]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp P;
- Chi cục THADS Tp P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Tố Uyên